

Bản án số: 120/2026/HS-ST

Ngày: 24 - 4 - 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Hoàn

Ông Bùi Văn Độ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Như Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Hà - Kiểm sát viên.

- Hỗ trợ tại điểm cầu Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H: Ông Tạ Văn D – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại điểm cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội và điểm cầu Trại tạm giam số 1- Công an thành H, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 88/2026/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2026/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 4 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T, sinh năm 1975; giới tính: Nam; nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn D, xã Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh M và bà Hoàng Thị T1; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án: Ngày 23/7/2024, bị Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Gây rối trật tự công cộng”, theo bản án số 65/2024/HSST (chưa chấp hành xong, chưa được xóa án tích, ở lần phạm tội này là Tái phạm), tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 6759 lập ngày 30/12/2025 tại PC 11A Công an thành phố H; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2025 tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố H đến nay; *có mặt*.

2. Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1980, nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn T, xã Ô, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị G; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 6746 lập ngày 30/12/2025 tại PC 11A Công an thành phố H; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ

ngày 27/12/2025 tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố H đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 22 giờ 40 phút ngày 26/12/2025, Nguyễn Ngọc Đ sử dụng số điện thoại 0985.434.139 gọi cho Lê Văn T số điện thoại 0985.104.068 hỏi mua “nửa chỉ” ma túy Ketamine với giá 2.000.000 đồng, T đồng ý, thống nhất mua bán tại khu vực đê T, xã Ô, thành phố Hà Nội. Lúc này, T đi đến khu vực đê thuộc khu vực xã Ô gặp và mua của một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) được 01 túi nilong kích thước khoảng (2x3) cm, bên trong chứa tinh thể màu trắng là ma túy Ketamine với giá 1.400.000 đồng. T cất giấu trong người rồi đi đến nơi đã hẹn và gọi điện cho Đ để giao ma túy. Sau khi gặp được nhau, T đưa cho Đ 01 túi chứa ma túy trên, Đ nhận túi ma túy cho vào túi quần bên phải đang mặc rồi sử dụng điện thoại chuyển khoản từ Ngân hàng M1 số tài khoản 6000198099999 của Đ số tiền 2.000.000 đồng đến số tài khoản 180719752628 - Ngân hàng M1 của T. Sau đó T đi về nhà, còn Đ bắt xe taxi đến nhà nghỉ T3 thuộc khu vực Đ, xã Đ, thành phố Hà Nội. Khoảng 0 giờ 10 phút ngày 27/12/2026, Đ đến cửa nhà nghỉ T3 và định vào thuê phòng để sử dụng ma túy thì lực lượng Công an xã Đ, thành phố Hà Nội phát hiện kiểm tra thu giữ bên trong túi quần bên phải của Đ đang mặc 01 túi nilong kích thước khoảng (2x3) cm, bên trong chứa tinh thể màu trắng là ma túy Ketamine. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tang vật. Tại cơ quan Công an Đ khai đã mua ma túy của Lê Văn T.

Công an xã Đ đã tiến hành triệu tập Lê Văn T đến làm việc, tại cơ quan điều tra T khai nhận đêm ngày 26/12/2025 đã bán ma túy Ketamine cho Nguyễn Ngọc Đ, phù hợp với lời khai của Đ cùng vật chứng thu giữ. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Văn T. Cơ quan điều tra không thu giữ tài liệu, đồ vật gì liên quan đến vụ án.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 gói ni lông, kích thước (02x03) cm, bên trong chứa các tinh thể màu trắng, thu giữ tại túi quần bên phải của Nguyễn Ngọc Đ đang mặc.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 ProMax, màu vàng, có lắp sim 0985.434.139, thu giữ tại túi quần bên trái của Nguyễn Ngọc Đ đang mặc (là tài sản của Nguyễn Ngọc Đ).

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen, bên trong lắp sim thuê bao 0985.104.068 do Lê Văn T tự nguyện giao nộp (là tài sản của Nguyễn Ngọc Đ).

Ngày 27/12/2025, Cơ quan điều tra Công an thành phố H ra Quyết định trưng cầu giám định số 21792/QĐ-CSMT giám định số ma túy thu giữ của Nguyễn Ngọc Đ.

Tại bản Kết luận giám định số 5378/KL-KTHS ngày 05/01/2026 của Phòng K, Công an Thành phố H kết luận: *Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi ni long có khối lượng 0,566 gam là ma túy loại Ketamine.*

Bản Cáo trạng số 170/CT-VKSKV8 ngày 26 tháng 3 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hà Nội truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025; truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Ngọc Đ khai nhận hành vi đã thực hiện như nội dung nêu trên. Các bị cáo đã nhận thức hành vi của mình là sai và đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hà Nội tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, truy tố Nguyễn Ngọc Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 53; Điều 56 Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025 xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 48 tháng đến 54 tháng tù, tổng hợp 24 tháng tù của Bản án số 65/2024/HSST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hà Nội). Buộc bị cáo T phải chấp hành chung của hai Bản án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025 xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ từ 40 tháng đến 46 tháng tù

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Xử lý vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã niêm phong sau giám định. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 ProMax, màu vàng, có lắp sim 0985.434.139, đã qua sử dụng của Nguyễn Ngọc Đ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen, bên trong lắp sim thuê bao 0985.104.068 đã qua sử dụng thu giữ của Lê Văn T. Truy thu số tiền 2.000.000 đồng là tiền bị cáo T bán ma túy cho bị cáo Đ. Buộc bị cáo T phải nộp 2.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, được chứng minh bằng lời khai người làm chứng, bản ảnh nhận dạng, vật chứng và các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 23 giờ 05 phút, ngày 26/12/2025, tại khu vực đê T, xã Ô, thành phố Hà Nội, Lê Văn T đã bán trái phép 0,566 gam ma túy loại Ketamine cho Nguyễn Ngọc Đ với giá 2.000.000 đồng. Khoảng 00 giờ 35 phút, ngày 27/12/2025 trước cửa nhà trọ Q1 thuộc khu vực Đ, xã Đ, thành phố Hà Nội, Nguyễn Ngọc Đ có hành vi tàng trữ trái phép 0,566 gam ma túy loại Ketamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân thì bị Cơ quan Công an xã Đ bắt quả tang cùng vật chứng.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự thực hiện hành vi với lỗi cố ý nên hành vi của bị cáo Lê Văn T đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2025. Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc Đ đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2025. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hà Nội truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn trong bản Cáo trạng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Bởi lẽ, ma túy có nhiều tác hại đối với sức khỏe của người sử dụng, nó còn là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc phát sinh tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngày 23/7/2024, bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hà Nội) xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Bản án số 65/2024/HSST, bị cáo chưa chấp hành xong, chưa được xóa án tích nên ở lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.3] Bị cáo Lê Văn T phạm tội trong thời gian thử thách của án treo, vì vậy sẽ buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 24 tháng tù của bản án hình sự sơ

thẩm số 65/2024/HSST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hà Nội), tổng hợp với hình phạt của bản án này, buộc T phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án theo quy định tại khoản 5 Điều 65 và khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[4] Theo quy định của Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền, xét thấy các bị cáo là người lao động tự do không có điều kiện về kinh tế và thu nhập ổn định để đảm bảo cho việc thi hành án nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 (một) phong bì niêm phong sau giám định của Phòng K, Công an Thành phố H do không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 ProMax, màu vàng, có lắp sim 0985.434.139, thu giữ tại Nguyễn Ngọc Đ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen, bên trong lắp sim thuê bao 0985.104.068 đã qua sử dụng thu giữ của Lê Văn T, các bị cáo đều sử dụng điện thoại để liên lạc mua, bán ma túy nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Truy thu số tiền 2.000.000 đồng là tiền bị cáo T bán ma túy cho bị cáo Đ. Buộc bị cáo T phải nộp 2.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

[6] Về nguồn gốc số ma túy: Đối với đối tượng bán ma túy cho Lê Văn T, T khai không rõ nhân thân, lai lịch. Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát quanh khu vực đề thuộc xã Ô, thành phố Hà Nội để xác định người bán ma túy cho T nhưng không phát hiện được nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xử lý là đúng quy định pháp luật.

[7] Án phí, quyền kháng cáo: Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Ngọc Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Ngọc Đ có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 .

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T: 04 (B) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tổng hợp 24 tháng tù của Bản án số 65/2024/HSST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hà Nội). Buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 06 (S) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/12/2025.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ: 40 (Bốn mươi) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/12/2025.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 bao gói sau khi giám định của phòng K - Công an thành phố H được niêm phong theo quy định, ở các mép có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng Q, cán bộ Lê Văn L, bị cáo Nguyễn Ngọc Đ.

+ 02 sim (01 sim lắp trong điện thoại Iphone 16 ProMax và 01 sim lắp trong điện thoại Iphone 8 Plus)

Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước:

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 ProMax, màu vàng, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Ngọc Đ.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen, đã qua sử dụng thu giữ của Lê Văn T.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/4/2026 giữa Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Hà Nội với Công an thành phố H).

Buộc bị cáo Lê Văn T nộp số tiền 2.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

3. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Ngọc Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 8 – Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- THADS Hà Nội;
- UBND xã;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An

